

Số: 22 /2025/NQ-HĐND

Khánh Hòa, ngày 19 tháng 12 năm 2025

NGHỊ QUYẾT

Quy định nội dung, mức chi và thời gian được hưởng hỗ trợ phục vụ công tác bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XVI và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2026-2031 trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 83/2015/QH13;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số Điều của Luật Chứng khoán, Luật Kế toán, Luật Kiểm toán độc lập, Luật Ngân sách nhà nước, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, Luật Quản lý Thuế, Luật Thuế thu nhập cá nhân, Luật Dự trữ Quốc gia, Luật Xử lý vi phạm hành chính số 56/2024/QH15;

Căn cứ Thông tư số 87/2025/TT-BTC ngày 29 tháng 8 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XVI và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2026-2031;

Xét Tờ trình số 8895/TTr-UBND ngày 11 tháng 12 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh; Báo cáo thẩm tra số 98/BC-BPC ngày 16 tháng 12 năm 2025 của Ban Pháp chế Hội đồng nhân dân tỉnh; tiếp thu, giải trình của Ủy ban nhân dân tỉnh tại Báo cáo số 263/BC-UBND ngày 17 tháng 12 năm 2025 và ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp;

Hội đồng nhân dân ban hành Nghị quyết quy định nội dung, mức chi và thời gian được hưởng hỗ trợ phục vụ công tác bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XVI và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2026-2031 trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định nội dung, mức chi và thời gian được hưởng hỗ trợ phục vụ cho công tác bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XVI và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2026 - 2031 trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa.

2. Đối tượng áp dụng

Nghị quyết này áp dụng đối với các cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan đến lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí chi thường xuyên ngân sách nhà nước phục vụ cho công tác bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XVI và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2026 - 2031 trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa.

Điều 2. Quy định nội dung, mức chi và thời gian được hưởng hỗ trợ phục vụ cho công tác bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XVI và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2026-2031 trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa

1. Đối với các nội dung chi đã được cấp có thẩm quyền quy định mức chi:

a) Chi tổ chức hội nghị: Thực hiện theo quy định tại Thông tư số 40/2017/TT-BTC ngày 28 tháng 4 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị, được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 12/2025/TT-BTC ngày 19 tháng 3 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính; Nghị quyết số 06/2025/NQ-HĐND ngày 16 tháng 10 năm 2025 của HĐND tỉnh Khánh Hòa quy định chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị đối với các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh.

b) Chi tổ chức tập huấn cho cán bộ tham gia phục vụ công tác tổ chức bầu cử thực hiện theo quy định tại Thông tư số 100/2025/TT-BTC ngày 28/10/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí dành cho công tác đào tạo, bồi dưỡng công chức, viên chức.

c) Chi công tác phí cho công tác chỉ đạo, kiểm tra, giám sát bầu cử: Thực hiện theo quy định tại Thông tư số 40/2017/TT-BTC ngày 28 tháng 4 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị, được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 12/2025/TT-BTC ngày 19 tháng 3 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính; Nghị quyết số 06/2025/NQ-HĐND ngày 16 tháng 10 năm 2025 của HĐND tỉnh Khánh Hòa quy định chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị đối với các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh.

d) Chi xây dựng văn bản quy phạm pháp luật: Thực hiện theo quy định hiện hành.

đ) Chi ứng dụng công nghệ thông tin, khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, xây dựng, cập nhật, vận hành trang thông tin điện tử phục vụ công tác bầu cử: Thực hiện theo quy định của pháp luật về công nghệ thông tin, khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo; các định mức kinh tế - kỹ thuật và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan.

e) Chi công tác tuyên truyền, in ấn: Thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành về đấu thầu, giao nhiệm vụ.

g) Chi trang bị tài sản, máy móc, thiết bị phục vụ Ủy ban Bầu cử tỉnh: Thực hiện theo đúng định mức, chế độ, chi tiêu hiện hành trong phạm vi dự toán ngân sách hàng năm giao cho Sở Nội vụ (cơ quan thường trực).

2. Đối với các nội dung chi ngoài quy định tại khoản 1 Điều này: Thực hiện theo mức chi tại phụ lục kèm theo Nghị quyết này.

3. Chi hỗ trợ tổ chức Hội nghị tiếp xúc cử tri để các ứng cử viên đại biểu Quốc hội, đại biểu HĐND cấp tỉnh thực hiện quyền vận động bầu cử: tối đa 5.000.000 đồng/hội nghị.

4. Đối với các nội dung chi nằm ngoài chế độ, tiêu chuẩn, định mức chi quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này: Giao Ủy ban bầu cử tỉnh thống nhất với Ủy

ban nhân dân tỉnh quyết định mức chi cụ thể và báo cáo HĐND tỉnh tại kỳ họp gần nhất.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này.
2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.
3. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh phối hợp giám sát việc triển khai thực hiện Nghị quyết này.

Điều 4. Điều khoản thi hành

1. Nghị quyết này có hiệu lực thi hành kể từ ngày thông qua.
2. Khi các văn bản dẫn chiếu quy định về chế độ, định mức để áp dụng tại Nghị quyết này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế bằng văn bản mới thì áp dụng theo các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Khánh Hòa khóa VII, kỳ họp thứ 3 thông qua ngày 19 tháng 12 năm 2025./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Bộ Nội vụ;
- Cục Kiểm tra VB và Quản lý xử lý VPHC - Bộ Tư pháp;
- Vụ Pháp chế - Bộ Tài chính;
- Ban Thường vụ Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- UBND tỉnh;
- UBMTTQVN tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Đảng ủy Các cơ quan Đảng tỉnh;
- Các cơ quan tham mưu, giúp việc Tỉnh ủy;
- Các Sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Các Hội do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ cấp tỉnh;
- HĐND, UBND các xã, phường, đặc khu;
- Báo và Phát thanh, truyền hình Khánh Hòa;
- Trung tâm Công báo và Cổng TTĐT tỉnh;
- Lưu: VT, AT.



CHỦ TỊCH

Lâm Đông



Phụ lục

Thực hiện theo Nghị quyết số 22/2025/NQ-HĐND ngày 19/12/2025 của HĐND tỉnh quy định nội dung, mức chi và thời gian được hưởng hỗ trợ phục vụ công tác bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XVI và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2026-2031 trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa)

**QUY ĐỊNH MỨC CHI BẦU CỬ
ĐẠI BIỂU QUỐC HỘI KHÓA XVI VÀ ĐẠI BIỂU HĐND CÁC CẤP NHIỆM KỲ 2026-2031**

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Mức chi	
			Cấp tỉnh	Cấp xã
1	Chi bồi dưỡng các cuộc họp			
a	Ban Chỉ đạo bầu cử, Ủy ban bầu cử, các tiểu ban Ủy ban bầu cử, Ban Thường trực MTTQVN			
	- Chủ trì cuộc họp	đồng/người/buổi	500.000	400.000
	- Thành viên tham dự	đồng/người/buổi	200.000	160.000
	- Các đối tượng phục vụ	đồng/người/buổi	100.000	80.000
b	Các cuộc họp khác liên quan đến công tác bầu cử			
	- Chủ trì cuộc họp	đồng/người/buổi	300.000	240.000
	- Thành viên tham dự	đồng/người/buổi	200.000	160.000
	- Các đối tượng phục vụ	đồng/người/buổi	100.000	80.000
2	Chi công tác chỉ đạo, kiểm tra, giám sát bầu cử của Thường trực Ban Chỉ đạo bầu cử, Thường trực HĐND, Ủy ban bầu cử, Ban bầu cử, UB MTTQ VN (ngoài chế độ thanh toán công tác phí được chi thêm):			
a	Trưởng đoàn giám sát	đồng/người/buổi	300.000	240.000
b	Thành viên chính thức đoàn giám sát	đồng/người/buổi	200.000	160.000
c	Cán bộ, công chức phục vụ đoàn giám sát			
	- Phục vụ trực tiếp đoàn giám sát	đồng/người/buổi	150.000	120.000
	- Phục vụ gián tiếp đoàn giám sát (lái xe)	đồng/người/buổi	100.000	80.000
d	Chi xây dựng báo cáo kết quả kiểm tra, giám sát			
	- Báo cáo tổng hợp kết quả của từng đoàn công tác; báo cáo tổng hợp kết quả của đợt kiểm tra, giám sát	đồng/báo cáo	5.000.000	4.000.000
	- Báo cáo tổng hợp kết quả các đợt kiểm tra, giám sát trình Ủy ban bầu cử	đồng/báo cáo	7.000.000	5.600.000
	- Xin ý kiến bằng văn bản các cá nhân, chuyên gia (tối đa 10 người/01 lần/01 văn bản)	đồng/lần	100.000	80.000
	- Chính lý, hoàn chỉnh báo cáo	đồng/báo cáo	1.000.000	800.000
3	Chi xây dựng văn bản (Nghị quyết của Ủy ban bầu cử, kế hoạch, thông tri, văn bản chỉ đạo, hướng dẫn, báo cáo sơ kết, tổng kết, biên bản tổng kết cuộc bầu cử)			
	- Xây dựng văn bản (tính cho sản phẩm cuối cùng, bao gồm cả tiếp thu, chỉnh lý)	đồng/văn bản	3.000.000	2.400.000

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Mức chi	
			Cấp tỉnh	Cấp xã
	- Xin ý kiến bằng văn bản các cá nhân, chuyên gia (tối đa 10 người/01 lần/01 văn bản)	đồng/lần	100.000	80.000
4	Chi bồi dưỡng cho những người trực tiếp phục vụ trong đợt bầu cử			
a	Thời gian hưởng chế độ bồi dưỡng phục vụ công tác bầu cử được tính từ thời gian Nghị quyết, Quyết định thành lập, cử người có hiệu lực đến khi Ủy ban bầu cử các cấp kết thúc nhiệm vụ. Trường hợp một người làm nhiều nhiệm vụ khác nhau chỉ được hưởng mức bồi dưỡng cao nhất. Danh sách chi bồi dưỡng thực hiện theo Nghị quyết, Quyết định thành lập, cử người được cấp có thẩm quyền phê duyệt.			
	- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch Ủy ban bầu cử; Trưởng các Tiểu ban của Ủy ban bầu cử	đồng/người/tháng	3.300.000	2.640.000
	- Thành viên Ủy ban bầu cử; thành viên các tiểu ban bầu cử	đồng/người/tháng	3.000.000	2.400.000
	- Thư ký và Ủy viên Ban bầu cử; Thư ký và Ủy viên Tổ bầu cử, các thành viên Tổ giúp việc cho Ủy ban bầu cử; cán bộ Ủy ban MTTQ Việt Nam các cấp	đồng/người/tháng	2.700.000	2.160.000
b	Các đối tượng được huy động, trung tập trực tiếp phục vụ công tác bầu cử (ngoài các đối tượng đã được huy động, trung tập tham gia tại các tổ giúp việc Ủy ban bầu cử các cấp)			
	Thời gian hưởng chế độ chi bồi dưỡng không quá 15 ngày (không bao gồm những ngày tham gia đoàn kiểm tra, giám sát; phục vụ trực tiếp dân và giải quyết khiếu nại, tố cáo về bầu cử, ngày trước ngày bầu cử và ngày bầu cử).	đồng/người/ngày	200.000	160.000
	Trường hợp thời gian huy động, trung tập trực tiếp phục vụ công tác bầu cử lớn hơn 15 ngày; thực hiện trên cơ sở quyết định, văn bản huy động, trung tập được cấp có thẩm quyền phê duyệt.	đồng/người/tháng	3.000.000	2.400.000
c	Chi bồi dưỡng riêng 02 ngày (ngày trước ngày bầu cử và ngày bầu cử), áp dụng đối với tất cả các lực lượng trực tiếp tham gia phục vụ bầu cử; danh sách đối tượng được hưởng chế độ chi bồi dưỡng theo các quyết định, văn bản của cấp có thẩm quyền phê duyệt.	đồng/người/ngày	300.000	240.000
5	Chi khoán hỗ trợ cước điện thoại di động cho những người trực tiếp phục vụ trong đợt bầu cử			

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Mức chi	
			Cấp tỉnh	Cấp xã
	Thời gian hưởng hỗ trợ cước điện thoại di động được tính theo thời gian thực tế phục vụ công tác bầu cử, từ thời điểm Nghị quyết, Quyết định thành lập, cử người được cấp có thẩm quyền phê duyệt.			
	- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch Ủy ban bầu cử; Trưởng các Tiểu ban của Ủy ban bầu cử	đồng/người/tháng	500.000	450.000
	- Thành viên Ủy ban bầu cử; thành viên các tiểu ban bầu cử	đồng/người/tháng		
	- Thư ký và Ủy viên Ban bầu cử; Thư ký và Ủy viên Tổ bầu cử, các thành viên Tổ giúp việc cho Ủy ban bầu cử; cán bộ Ủy ban MTTQ Việt Nam các cấp	đồng/người/tháng		
6	Chi tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo về bầu cử			
a	Người được giao trực tiếp việc tiếp công dân	đồng/người/buổi	150.000	150.000
b	Người phục vụ trực tiếp việc tiếp công dân	đồng/người/buổi	100.000	100.000
c	Người phục vụ gián tiếp việc tiếp công dân	đồng/người/buổi	50.000	50.000
7	Chi đóng hòm phiếu	đồng/hòm phiếu	500.000	500.000
8	Chi khắc dấu (mức chi chưa bao gồm phí, lệ phí)	đồng/dấu	400.000	400.000
9	Chi niêm yết danh sách bầu cử	đồng/bảng	1.500.000	1.500.000